

Bản án số: 527 /2025/DS-PT

Ngày: 23-7-2025

V/v: Tranh chấp Hợp đồng hợp tác
kinh doanh, hợp đồng bảo lãnh

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm

Các Thẩm phán: Ông Phan Quyết Thắng

Bà Nguyễn Thị Lan Anh

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hương - Thẩm tra viên
chính Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hà Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 340/2025/TLPT - DS ngày 13 tháng 6
năm 2025 về: “Tranh chấp Hợp đồng hợp tác kinh doanh, hợp đồng bảo lãnh”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 63/2025/DS-ST ngày 28/3/2025 của Tòa án
nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội (nay là Tòa án nhân dân Khu
vực 4 - Hà Nội) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 408/2025/QĐ-PT ngày
16 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 480/2025/QĐ-PT
ngày 08 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Tô Hữu Đ**, sinh năm 1949; *Có mặt.*

HKTT: Số F, đường L, phường L, thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Căn C, tầng H, chung cư G, số B L, phường T, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Đ: Ông **Đỗ Minh H**, sinh năm 1979; Địa
chỉ: Số B (địa chỉ liên hệ: số A), ngõ D phố B, phường B, thành phố Hà Nội. Theo
Giấy uỷ quyền ngày 21/02/2025. *Có mặt.*

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ: Luật sư **Bùi Văn H1**, Văn
phòng L4, Đ thành phố Hà Nội. Địa chỉ liên hệ: Số A F Tập thể T, phường T, thành
phố Hà Nội. *Có mặt.*

Bị đơn: Công ty Cổ phần **Đ1**;

Địa chỉ: Tầng G, Tòa nhà S, số A đường P, phường T, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lương Thành L – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đặng Thành V – Giám đốc Pháp chế; Bà Nguyễn Thị Thanh H2 – Trưởng phòng Pháp chế; Ông Vũ Nghị L1 – Chuyên gia pháp chế; Bà Cao Thị Ngọc M – Chuyên viên pháp chế; Bà Cần Thị Quỳnh A – Chuyên viên pháp chế. Theo Giấy uỷ quyền ngày 12/02/2025. *Bà Quỳnh A có mặt.*

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Công ty Cổ phần T2 (nay là Công ty Cổ phần T2);

Địa chỉ: Tầng I, Tòa nhà S, số A đường P, phường T, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Đỗ Văn T - Tổng giám đốc;

Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Nguyễn Trà M1 - Cán bộ pháp chế; Ông Nguyễn Văn K - Cán bộ pháp chế; Ông Phạm Đình L2 - Cán bộ pháp chế; Bà Phạm Thị L3 - Cán bộ pháp chế. Theo Văn bản uỷ quyền ngày 03/02/2025. *Xin vắng mặt.*

Do có kháng cáo của bị đơn là Công ty Cổ phần Đ1 và của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Công ty Cổ phần T2 (nay là Công ty Cổ phần T2);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Tô Hữu Đ trình bày:**

- Về các hợp đồng đã ký kết:

Năm 2022 ông có ký kết các “Hợp đồng hợp tác kinh doanh” với Công ty Cổ phần Đ1 (sau đây viết tắt là KSF) có trụ sở tại: Tầng G, Tòa nhà S, số A P, phường M, quận N, thành phố Hà Nội (nay là phường T, thành phố Hà Nội):

1. Hợp đồng hợp tác kinh doanh số: ITLH00044322 ngày 02/3/2022

Ngày 02/3/2022, ông và K2 ký hợp đồng hợp tác kinh doanh số: ITLH00044322 ngày 02/3/2022 và 02 phụ lục hợp đồng, sau đây gọi là “hợp đồng” với các nội dung cụ thể như sau:

- Mục đích hợp tác kinh doanh: Bên B (Tô Hữu Đình) đồng ý góp vốn và Bên A (K2) đồng ý nhận và quản lý phần góp vốn của Bên B để thực hiện hoạt động kinh doanh sản phẩm tại Dự án T2 địa chỉ tại Hà Nội (“Dự án”) và các mục đích đầu tư kinh doanh khác không trái quy định của pháp luật nhằm hướng tới phân chia lợi nhuận, kết quả đạt được theo thỏa thuận tại Hợp đồng này phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan; Bên A cam kết đảm bảo bên B sẽ được hưởng các quyền lợi đầu tư theo quy định của hợp đồng.

- Giá trị khoản đầu tư: 646.000.000 đồng.

- Thời hạn đầu tư là 01 năm từ ngày 02/03/2022 đến ngày 02/03/2023.

- Phân chia kết quả kinh doanh: lợi nhuận cố định áp dụng và tính trên khoản đầu tư là 11.0 %/năm (trên cơ sở tính 1 năm là 365 ngày), tính từ ngày Bên B chuyển đủ khoản giá trị khoản đầu tư đến ngày Bên B nhận lại khoản đầu tư gốc.

- Lợi nhuận hưởng thêm (Cashback – Hoàn tiền): 0,7%/năm trên giá trị đầu tư tại thời điểm cuối mỗi kỳ đủ 12 tháng.
- Thời điểm chi trả lợi nhuận cố định: 03 tháng.
- Mục tiêu Dự án đầu tư: Dự án Sunshine Capital Tây T địa chỉ tại Hà Nội (“Dự án”).

Thực hiện hợp đồng ngày 02/03/2022 ông đã nộp 646.000.000 đồng vào tài khoản của KSF tại Ngân hàng TMCP K3. Sau đó, ông nhận được Giấy chứng nhận khoản đầu tư số: ITLH00044322 ngày 02/03/2022 do Công ty K2 phát hành. Ngày 02/06/2022, KSF đã trả cho ông số tiền lãi là: 17.015.463 đồng và ngày 05/09/2022 ông được trả số tiền lãi là: 17.570.315 đồng.

Hết thời hạn hợp tác theo quy định của Hợp đồng, ông có yêu cầu KSF hoàn trả lại vốn và các khoản lợi nhuận còn nợ nhưng không được công ty trả lời. Sau đó, ông đã nhiều lần yêu cầu KSF trả tiền (bao gồm tiền gốc và các khoản lợi nhuận theo thỏa thuận tại hợp đồng) nhưng KSF không thực hiện.

Ông thấy rằng, KSF đã vi phạm các nghĩa vụ được thỏa thuận trong hợp đồng hợp tác kinh doanh số: ITLH00044322 ngày 02/03/2022 và 02 phụ lục hợp đồng, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Vì vậy ông yêu cầu Tòa án buộc KSF thực hiện việc thanh toán tiền gốc, lợi nhuận cố định, lợi nhuận hưởng thêm và lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ như sau:

- Tiền gốc: 646.000.000 đồng.
- Lợi nhuận cố định + lợi nhuận hưởng thêm (từ ngày 02/03/2022 đến ngày 02/03/2023 là 12 tháng): $646.000.000 \text{ đồng} \times (11\%/năm + 0,7\%/năm) \times 12 \text{ tháng} - (17.015.463 \text{ đồng} + 17.570.315 \text{ đồng}) = 40.996.222 \text{ đồng}$.
- Lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự tạm tính (từ ngày 03/03/2023 đến ngày 03/01/2025 là 22 tháng): $646.000.000 \text{ đồng} \times 10\%/năm \times 22 \text{ tháng} = 118.433.333 \text{ đồng}$.

Tổng cộng: **805.429.555 đồng**.

2. Hợp đồng hợp tác kinh doanh số: ITLH00044294 ngày 02/3/2022

Ngày 02/3/2022, ông cùng KSF ký hợp đồng hợp tác kinh doanh số: ITLH00044294 ngày 02/03/2022 và 02 phụ lục hợp đồng (sau đây gọi là "hợp đồng") với các nội dung cụ thể như sau:

- Mục đích hợp tác kinh doanh: Bên B (Tô Hữu Đình) đồng ý góp vốn và Bên A (K2) đồng ý nhận và quản lý phần góp vốn của Bên B để thực hiện hoạt động kinh doanh sản phẩm tại Dự án T2 địa chỉ tại Hà Nội (“Dự án”) và các mục đích đầu tư kinh doanh khác không trái quy định của pháp luật nhằm hướng tới phân chia lợi nhuận, kết quả đạt được theo thỏa thuận tại Hợp đồng này phù hợp với

các quy định của pháp luật có liên quan; Bên A cam kết đảm bảo bên B sẽ được hưởng các quyền lợi đầu tư theo quy định của hợp đồng.

- Giá trị khoản đầu tư: 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng).
- Thời hạn đầu tư là: 01 năm từ ngày 02/03/2022 đến ngày 02/03/ 2023.
- Phân chia kết quả kinh doanh: lợi nhuận cố định áp dụng và tính trên khoản đầu tư là 11.0 %/năm (trên cơ sở tính 1 năm là 365 ngày), tính từ ngày Bên B chuyển đủ khoản giá trị khoản đầu tư đến ngày Bên B nhận lại khoản đầu tư gốc.
- Lợi nhuận hưởng thêm (Cashback – hoàn tiền): 0,7%/năm trên giá trị đầu tư tại thời điểm cuối mỗi kỳ đủ 12 tháng.
- Thời điểm chi trả lợi nhuận cố định: 03 tháng.
- Mục tiêu Dự án đầu tư: Dự án Sunshine Capital Tây T địa chỉ tại Hà Nội (“Dự án”).

Thực hiện hợp đồng, ngày 02/03/2022 ông đã nộp 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) vào tài khoản của KSF tại Ngân hàng TMCP K3. Sau đó ông nhận được Giấy chứng nhận đầu tư số: ITLH00044294 ngày 02/03/2022 do Công ty K2 phát hành.

Thực hiện hợp đồng, ngày 02/06/2022, Công ty K2 đã trả lãi theo hợp đồng là: 26.339.726 đồng và ngày 05/09/2022 trả lãi theo hợp đồng là: 27.198.630 đồng. Sau đó KSF không tiếp tục trả nợ gốc, lợi nhuận (tiền lãi) theo hợp đồng. Đến ngày 05/04/2024, KSF thanh toán cho ông số tiền gốc là: 500.000.000 đồng.

Ông thấy rằng, KSF đã vi phạm các nghĩa vụ được thỏa thuận trong hợp đồng hợp tác kinh doanh số: ITLH00044294 ngày 02/03/2022 và 02 phụ lục hợp đồng, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án buộc KSF thực hiện việc thanh toán tiền gốc, lợi nhuận cố định, lợi nhuận hưởng thêm và lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ như sau:

- Tiền gốc : 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).
- Lợi nhuận cố định + lợi nhuận hưởng thêm (từ ngày 02/03/2022 đến ngày 02/03/2023 là 12 tháng): $1.000.000.000 \text{ đồng} \times (11\%/năm + 0,7\%/năm) \times 12 \text{ tháng} - (26.339.726 \text{ đồng} + 27.198.630 \text{ đồng}) = 63.461.644 \text{ đồng}.$
- Lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự tạm tính:
- Từ ngày 03/3/2023 đến ngày 05/4/2024 là 12 tháng: $1.000.000.000 \text{ đồng} \times 12 \text{ tháng} \times 10\%/năm = 100.000.000 \text{ đồng}.$
- Từ ngày 06/4/2024 đến ngày 16/01/2025 là 09 tháng: $500.000.000 \text{ đồng} \times 9 \text{ tháng} \times 10\%/năm = 37.500.000 \text{ đồng}.$

Tổng cộng: 700.961.644 đồng.

3. Hợp đồng hợp tác kinh doanh số: ITLH00044350 ngày 02/3/2022

Ngày 02/03/2022, ông cùng KSF ký hợp đồng hợp tác kinh doanh số: ITLH00044350 ngày 02/03/2022 và 02 phụ lục hợp đồng (sau đây gọi là « hợp đồng ») với các nội dung cụ thể như sau:

- Mục đích hợp tác kinh doanh: Bên B (Tô Hữu Đình) đồng ý góp vốn và Bên A (K2) đồng ý nhận và quản lý phần góp vốn của Bên B để thực hiện hoạt động kinh doanh sản phẩm tại Dự án T2 địa chỉ tại Hà Nội (“Dự án”) và các mục đích đầu tư kinh doanh khác không trái quy định của pháp luật nhằm hướng tới phân chia lợi nhuận, kết quả đạt được theo thỏa thuận tại Hợp đồng này phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan; Bên A cam kết đảm bảo bên B sẽ được hưởng các quyền lợi đầu tư theo quy định của hợp đồng.

- Giá trị khoản đầu tư: 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

- Thời hạn đầu tư là: 01 năm từ ngày 02/03/2022 đến ngày 02/03/2023.

- Phân chia kết quả kinh doanh: lợi nhuận cố định áp dụng và tính trên khoản đầu tư là 11.0 %/năm (trên cơ sở tính 1 năm là 365 ngày), tính từ ngày Bên B chuyển đủ khoản giá trị khoản đầu tư đến ngày Bên B nhận lại khoản đầu tư gốc.

- Lợi nhuận hưởng thêm (Cashback – hoàn tiền): 0,7%/năm trên giá trị đầu tư tại thời điểm cuối mỗi kỳ đủ 12 tháng.

- Thời điểm chi trả lợi nhuận cố định: 03 tháng.

- Mục tiêu Dự án đầu tư: Dự án Sunshine Capital Tây T địa chỉ tại Hà Nội (“Dự án”).

Thực hiện Hợp đồng, ngày 02/03/2022 ông đã nộp 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) vào tài khoản của KSF tại Ngân hàng TMCP K3. Sau đó ông nhận được Giấy chứng nhận đầu tư số: ITLH00044350 ngày 02/03/2022 do KSF phát hành.

Thực hiện hợp đồng, ngày 02/06/2022 KSF trả số tiền lãi theo hợp đồng là: 13.169.863 đồng và ngày 05/09/2022 KSF trả số tiền lãi theo hợp đồng là: 13.599.315 đồng. Đến ngày 25/03/2024, KSF thanh toán cho ông số tiền nợ gốc là: 500.000.000 đồng.

Như vậy, KSF đã vi phạm các nghĩa vụ được thỏa thuận trong hợp đồng hợp tác kinh doanh số: ITLH00044350 ngày 02/03/2022 và 02 phụ lục hợp đồng, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của ông. Vì vậy ông yêu cầu Tòa án buộc KSF thực hiện việc thanh toán tiền lợi nhuận cố định, lợi nhuận hưởng thêm và lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ như sau:

- Lợi nhuận cố định + lợi nhuận hưởng thêm (từ ngày 02/3/2022 đến ngày 02/3/2023 là 12 tháng): $500.000.000 \text{ đồng} \times (11\%/\text{năm} + 0,7\%/\text{năm}) \times 12 \text{ tháng} - (13.169.863 \text{ đồng} + 13.599.315 \text{ đồng}) = 31.730.822 \text{ đồng}.$

- Lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự tạm tính từ ngày 03/3/2023 đến ngày 03/03/2024 là 12 tháng: 500.000.000 đồng x 12 tháng x 10%/năm = 50.000.000 đồng.

Tổng cộng: 81.730.822 đồng.

4. Hợp đồng hợp tác kinh doanh số: ITLH00122300 ngày 30/06/2022

Ngày 30/06/2022, ông cùng KSF ký hợp đồng hợp tác kinh doanh số: ITLH00122300 ngày 30/06/2022 và 05 phụ lục hợp đồng với các nội dung cụ thể như sau:

- Mục đích hợp tác kinh doanh: Bên B (Tô Hữu Đình) đồng ý góp vốn và Bên A (K2) đồng ý nhận và quản lý phần góp vốn của Bên B để thực hiện hoạt động kinh doanh sản phẩm tại Dự án T2 địa chỉ tại Hà Nội (“Dự án”) và các mục đích đầu tư kinh doanh khác không trái quy định của pháp luật nhằm hướng tới phân chia lợi nhuận, kết quả đạt được theo thỏa thuận tại Hợp đồng này phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan; Bên A cam kết đảm bảo bên B sẽ được hưởng các quyền lợi đầu tư theo quy định của hợp đồng.

- Giá trị khoản đầu tư: 1.100.000.000 đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng).

- Thời hạn đầu tư là: 01 năm từ ngày 30/06/2022 đến ngày 30/06/2023.

- Phân chia kết quả kinh doanh: lợi nhuận cố định áp dụng và tính trên khoản đầu tư là 10,05%/năm (trên cơ sở tính 1 năm là 365 ngày), tính từ ngày Bên B chuyển đủ khoản giá trị khoản đầu tư đến ngày Bên B nhận lại khoản đầu tư gốc.

- Lợi nhuận hưởng thêm: 0,8%/năm (trên cơ sở tính 1 năm là 365 ngày), tính từ ngày Bên B chuyển đủ khoản giá trị khoản đầu tư đến ngày Bên B nhận lại khoản đầu tư gốc.

- Thời điểm chi trả lợi nhuận cố định: 01 năm

- Mục tiêu Dự án đầu tư: Dự án Sunshine Capital Tây T địa chỉ tại Hà Nội (“Dự án”).

Thực hiện Hợp đồng, ngày 30/06/2022 ông đã nộp 1.100.000.000 đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng) vào tài khoản của KSF tại Ngân hàng TMCP K3. Sau đó, ông đã nhận được Giấy chứng nhận khoản đầu tư số ITLH00122300 ngày 30/06/2022 do KSF phát hành.

Thực hiện Hợp đồng ngày 25/10/2022, KSF trả cho ông số tiền lãi theo hợp đồng là: 27.656.723 đồng. Hết thời hạn hợp tác theo quy định của Hợp đồng, ông có yêu cầu KSF hoàn trả lại tiền gốc và các khoản lợi nhuận theo hợp đồng nhưng không được Công ty trả lời. Sau đó, ông đã nhiều lần yêu cầu KSF trả tiền nhưng KSF không thực hiện.

Như vậy, KSF đã vi phạm các nghĩa vụ được thỏa thuận trong Hợp đồng hợp tác kinh doanh số ITLH00122300 ngày 30/06/2022 và 05 phụ lục hợp đồng xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Vì vậy, ông yêu cầu Tòa án buộc KSF thực hiện việc thanh toán tiền gốc, lợi nhuận cố định và lợi nhuận hưởng thêm và lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ như sau:

- Tiền gốc: 1.100.000.000 đồng.
- Lợi nhuận cố định + lợi nhuận hưởng thêm (từ ngày 30/6/2022 đến ngày 30/6/2023 là 12 tháng): $1.100.000.000 \text{ đồng} \times (10,05\%/năm + 0,8\%/năm) \times 12 \text{ tháng} - 27.656.723 \text{ đồng} = 91.693.277 \text{ đồng}$.
- Lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự tạm tính (từ ngày 01/07/2023 đến ngày 01/01/2025 là 18 tháng): $1.100.000.000 \text{ đồng} \times 18 \text{ tháng} \times 10\%/năm = 165.000.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng : 1.356.693.277 đồng.

5. Hợp đồng hợp tác kinh doanh số: ITLH00122332 ngày 30/06/2022

Ngày 30/6/2022, ông cùng KSF ký hợp đồng hợp tác kinh doanh số : ITLH00122332 ngày 30/06/2022 và 05 phụ lục hợp đồng (sau đây gọi là "hợp đồng") với các nội dung cụ thể như sau:

- Mục đích hợp tác kinh doanh: Bên B (Tô Hữu Đình) đồng ý góp vốn và Bên A (K2) đồng ý nhận và quản lý phần góp vốn của Bên B để thực hiện hoạt động kinh doanh sản phẩm tại Dự án T2 địa chỉ tại Hà Nội (“Dự án”) và các mục đích đầu tư kinh doanh khác không trái quy định của pháp luật nhằm hướng tới phân chia lợi nhuận, kết quả đạt được theo thỏa thuận tại Hợp đồng này phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan; Bên A cam kết đảm bảo bên B sẽ được hưởng các quyền lợi đầu tư theo quy định của hợp đồng.

- Giá trị khoản đầu tư: 1.100.000.000 đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng).
- Thời hạn đầu tư là: 01 năm từ ngày 30/06/2022 đến ngày 30/06/2023.
- Phân chia kết quả kinh doanh: lợi nhuận cố định áp dụng và tính trên khoản đầu tư là 10,05%/năm (trên cơ sở tính 1 năm là 365 ngày), tính từ ngày Bên B chuyển đủ khoản giá trị khoản đầu tư đến ngày Bên B nhận lại khoản đầu tư gốc.
- Lợi nhuận hưởng thêm: 0,8%/năm (trên cơ sở tính 1 năm là 365 ngày), tính từ ngày Bên B chuyển đủ khoản giá trị khoản đầu tư đến ngày Bên B nhận lại khoản đầu tư gốc.

- Thời điểm chi trả lợi nhuận cố định: 01 năm
- Mục tiêu Dự án đầu tư: Dự án Sunshine Capital Tây T địa chỉ tại Hà Nội (“Dự án”).

Thực hiện Hợp đồng, ngày 30/06/2022, ông đã nộp 1.100.000.000 đồng (Một tỷ một trăm triệu đồng) vào tài khoản của KSF tại Ngân hàng TMCP K3. Sau đó ông nhận được Giấy chứng nhận khoản đầu tư số: ITLH00122322 ngày 30/06/2022 do KSF phát hành. Ngày 30/9/2022, KSF đã trả số tiền lãi theo hợp đồng cho ông là: 27.656.713 đồng.

Hết thời hạn hợp tác theo quy định của Hợp đồng, ông có yêu cầu Công ty hoàn trả lại tiền gốc và các khoản lợi nhuận không được công ty trả lời. Sau đó, ông đã nhiều lần yêu cầu KSF trả tiền nhưng Công ty không thực hiện.

Như vậy, KSF đã vi phạm các nghĩa vụ được thỏa thuận trong hợp đồng hợp tác kinh doanh số: ITLH00122332 ngày 30/06/2022 và 05 phụ lục hợp đồng xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Vì vậy ông yêu cầu Tòa án buộc KSF thực hiện việc thanh toán tiền gốc, lợi nhuận cố định, lợi nhuận hưởng thêm và lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ như sau:

- Tiền gốc: 1.100.000.000 đồng.
- Lợi nhuận cố định + lợi nhuận hưởng thêm (từ ngày 30/6/2022 đến ngày 30/6/2023 là 12 tháng): $1.100.000.000 \text{ đồng} \times (10,05\%/năm + 0,8\%/năm) \times 12 \text{ tháng} = 27.656.713 \text{ đồng}$
- Lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự tạm tính (từ ngày 01/7/2023 đến ngày 01/01/2025 là 18 tháng): $1.100.000.000 \text{ đồng} \times 18 \text{ tháng} \times 10\%/năm = 165.000.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng: 1.356.693.287 đồng.

6. Hợp đồng hợp tác kinh doanh số: ITLH00142615 ngày 25/7/2022

Ngày 25/7/2022, ông cùng KSF ký hợp đồng hợp tác kinh doanh số: ITLH00142615 ngày 25/7/2022 và 05 phụ lục hợp đồng với các nội dung cụ thể như sau:

- Mục đích hợp tác kinh doanh: Bên B (Tô Hữu Đình) đồng ý góp vốn và Bên A (K2) đồng ý nhận và quản lý phần góp vốn của Bên B để thực hiện hoạt động kinh doanh sản phẩm tại Dự án T2 địa chỉ tại Hà Nội (“Dự án”) và các mục đích đầu tư kinh doanh khác không trái quy định của pháp luật nhằm hướng tới phân chia lợi nhuận, kết quả đạt được theo thỏa thuận tại Hợp đồng này phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan; Bên A cam kết đảm bảo bên B sẽ được hưởng các quyền lợi đầu tư theo quy định tại hợp đồng.

- Giá trị khoản đầu tư: 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng).
- Thời hạn đầu tư là 01 năm từ ngày 25/07/2022 đến ngày 25/07/2023.
- Phân chia kết quả kinh doanh: lợi nhuận cố định áp dụng và tính trên khoản đầu tư là 10.05 %/năm (trên cơ sở tính 1 năm là 365 ngày), tính từ ngày Bên B chuyển đủ khoản giá trị khoản đầu tư đến ngày Bên B nhận lại khoản đầu tư gốc.
- Lợi nhuận hưởng thêm: 0,6%/năm (trên cơ sở tính 1 năm là 365 ngày), tính từ ngày Bên B chuyển đủ khoản giá trị khoản đầu tư đến ngày Bên B nhận lại khoản đầu tư gốc.

- Thời điểm chi trả lợi nhuận cố định: 01 năm

- Mục tiêu Dự án đầu tư: Dự án Sunshine Capital Tây T địa chỉ tại Hà Nội (“Dự án”).

Thực hiện Hợp đồng, ngày 25/07/2022 ông đã nộp 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng) vào tài khoản của KSF tại Ngân hàng TMCP K3. Sau đó ông nhận được Giấy chứng nhận khoản đầu tư số ITLH00142615 ngày 25/7/2022 do KSF phát hành. Ngày 25/10/2022, KSF trả lãi theo hợp đồng cho ông số tiền là: 6.200.000 đồng.

Hết thời hạn hợp tác theo quy định của Hợp đồng, ông có yêu cầu KSF hoàn trả lại vốn và các khoản lợi nhuận còn nợ nhưng không được Công ty trả lời. Sau đó, ông đã nhiều lần yêu cầu KSF trả tiền nhưng Công ty không thực hiện.

Như vậy, KSF đã vi phạm các nghĩa vụ được thỏa thuận trong hợp đồng hợp tác kinh doanh số: ITLH00142615 ngày 25/7/2022 và 05 phụ lục hợp đồng, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của ông. Vì vậy ông yêu cầu Tòa án buộc KSF thực hiện việc thanh toán tiền gốc, lợi nhuận cố định, lợi nhuận hưởng thêm và lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ như sau:

- Tiền gốc: 250.000.000 đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng).

- Lợi nhuận cố định + lợi nhuận hưởng thêm (từ ngày 25/7/2022 đến ngày 25/7/2023 là 12 tháng) là: $250.000.000 \text{ đồng} \times (10.05\%/năm + 0,6\%/năm) \times 12 \text{ tháng} - 6.200.000 \text{ đồng} = 20.425.000 \text{ đồng}$.

- Lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ dân sự tạm tính (từ ngày 26/7/2023 đến ngày 26/12/2024 là 17 tháng): $250.000.000 \text{ đồng} \times 17 \text{ tháng} \times 10\%/năm = 35.416.000, \text{ đồng}$.

Tổng cộng : 305.841.000 đồng.

- Về bảo lãnh hợp đồng:

Ngày 16/12/2022, Công ty Cổ phần T2 (viết tắt là T2) đã phát hành thư bảo lãnh (*thư bảo lãnh này được cập nhật tại phần mềm KSFinance Priority được ghi nhận tại trang 11 - Vi bằng số 55/2024/VB -TPLTL-HN ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Văn phòng T3 – Hà Nội*) gửi tất cả các khách hàng đang giao dịch góp vốn tại KSF kể từ ngày 03/02/2021 đến ngày 16/12/2022. Theo nội dung thư bảo lãnh này, Sunshine bảo lãnh cho các nghĩa vụ thanh toán của KSF kể cả các nghĩa vụ hoàn trả khoản đầu tư, chi trả lợi nhuận, bồi hoàn và bồi thường thiệt hại cho KSF phát sinh từ hợp đồng hợp tác. Bảo lãnh có hiệu lực kể từ ngày có hiệu lực của hợp đồng hợp tác và chỉ hết hạn sau khi toàn bộ nghĩa vụ bảo lãnh đã được thực hiện hoặc giải trừ đầy đủ.

Quá trình thực hiện 06 hợp đồng hợp tác kinh doanh nêu trên, mặc dù KSF đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng nhưng S cũng không thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo cam kết tại thư bảo lãnh ngày 16/12/2022.

Hiện nay, Công ty Cổ phần T2 đã đổi tên thành Công ty Cổ phần T2, Công ty Cổ phần T2 có trách nhiệm kế thừa quyền và thực hiện các nghĩa vụ của Công ty Cổ phần T2.

Ông yêu cầu Tòa xem xét, buộc Công ty Cổ phần T2 thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho KSF trong trường hợp KSF không thực hiện được việc trả nợ gốc, các khoản lợi nhuận cố định, lợi nhuận hưởng thêm, lãi suất do chậm thanh toán được nêu tại (mục I) nêu trên.

→ *Những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết:*

Việc KSF không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại các hợp đồng hợp tác kinh doanh số: ITLH00044322, ITLH00044294, ITLH00044350 ngày 02/3/2022; số ngày 02/3/2022; ITLH00122300; ITLH00122332 ngày 30/06/2022; ITLH00142615 ngày 25/7/2022 và các phụ lục kèm theo các hợp đồng nêu trên đã xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Vì vậy: Ông đề nghị Quý Tòa căn cứ quy định tại các Điều 116, 117, 280, 335, 336, 339, 342, 357, 385, 429, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm buộc KSF trả ngay một lần toàn bộ số tiền còn nợ cho ông cụ thể như sau:

1. Hợp đồng hợp tác kinh doanh số: ITLH00044322 ngày 02/3/2022 và 02 phụ lục hợp đồng: 805.429.555 đồng,
2. Hợp đồng hợp tác kinh doanh số: ITLH00044294 ngày 02/3/2022 và 02 phụ lục hợp đồng: 700.961.644 đồng.
3. Hợp đồng hợp tác kinh doanh số: ITLH00044350 ngày 02/3/2022 và 02 phụ lục hợp đồng: 81.730.822 đồng.
4. Hợp đồng hợp tác kinh doanh số: ITLH00122300 ngày 30/06/2022 và 05 phụ lục hợp đồng: 1.356.693.277 đồng.
5. Hợp đồng hợp tác kinh doanh số: ITLH00122332 ngày 30/06/2022 và 05 phụ lục hợp đồng : 1.356.693.287 đồng.
6. Hợp đồng hợp tác kinh doanh số: ITLH00142615 ngày 25/7/2022 và 05 phụ lục hợp đồng: 305.841.000 đồng.

Tổng cộng số tiền KSF phải trả ngay một lần cho ông là: 4.607.349.585 đồng (*Bốn tỷ, sáu trăm không bảy triệu, ba trăm bốn mươi chín nghìn, năm trăm tám mươi năm đồng*).

Trong trường hợp KSF không trả được các khoản nợ nêu trên, ông đề nghị Tòa án buộc S phải trả nợ thay cho KSF.

*** Bị đơn là KSF trình bày:**

Năm 2022, KSF và ông Tô Hữu Đ (là Nguyên đơn trong Vụ án) có thỏa thuận ký kết các Hợp đồng hợp tác kinh doanh với các nội dung cơ bản như sau:

- Mục đích hợp tác kinh doanh: ông Tô Hữu Đ đồng ý góp vốn và KSF đồng ý nhận và quản lý phần vốn góp của ông Tô Hữu Đ để thực hiện hoạt động kinh doanh tại các dự án và các mục đích đầu tư kinh doanh khác không trái với các quy định của pháp luật, nhằm hướng tới phân chia lợi nhuận và kết quả đạt được theo thỏa thuận tại hợp đồng hợp tác kinh doanh này. Cụ thể, tại Hợp đồng hợp tác kinh doanh đã ký, ông Tô Hữu Đ được hưởng các lợi ích trên giá trị Khoản đầu tư.

- Thời hạn đầu tư: (theo bảng kê chi tiết dưới đây)

Bảng kê Hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa ông Tô Hữu Đ với KSF

ST T	Ngày xác lập giao dịch	Ngày đến hạn	Số Hợp đồng	Giá trị Khoản đầu tư ban đầu (VNĐ)	Giá trị Khoản đầu tư còn lại (VNĐ)	Lợi ích đầu tư (%)
1	25/07/2022	25/07/2023	ITLH00142615	250,000,000	250,000,000	10.5
2	30/06/2022	30/06/2023	ITLH00122332	1,100,000,000	1,100,000,000	10.5
3	30/06/2022	30/06/2023	ITLH00122300	1,100,000,000	1,100,000,000	10.5
4	02/03/2022	02/03/2023	ITLH00044322	646,000,000	646,000,000	11
5	02/03/2022	02/03/2023	ITLH00044294	1,000,000,000	500,000,000	11
Tổng				4,096,000,000	3,596,000,000	

Thực hiện Hợp đồng hợp tác kinh doanh nêu trên, KSF đã nhận các Khoản đầu tư của ông Tô Hữu Đ và thực hiện các hoạt động kinh doanh theo thỏa thuận tại các hợp đồng đã ký.

Do sự suy thoái chung của nền kinh tế toàn cầu, thị trường bất động sản trong nước đóng băng, chính sách siết chặt tín dụng của các Ngân hàng ... đã khiến cho các công ty bất động sản gặp rất nhiều khó khăn (không chỉ riêng KSF và các Chủ đầu tư dự án bất động sản mà KSF có quan hệ hợp tác, đầu tư), trực tiếp gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến nguồn thu và dòng tiền của KSF.

Do đó, khi đến hạn hoàn trả giá trị Khoản đầu tư và Lợi nhuận cố định theo các Hợp đồng hợp tác đầu tư, KSF chưa có khả năng tính toán ngay cho ông Tô Hữu Đ theo đúng thỏa thuận.

Khi phát sinh vấn đề trên, KSF đã nhiều lần gặp gỡ, trao đổi với ông Tô Hữu Đ để tháo gỡ khó khăn. Đồng thời, KSF cũng đã hết sức nỗ lực tìm kiếm các giải pháp để bảo đảm quyền lợi của khách hàng. Cụ thể, trong thời gian vừa qua, Công ty đã đề xuất khách hàng cảm thông và xem xét các phương án giải quyết như sau:

1. Gia hạn thời gian thực hiện Hợp đồng thêm 24 tháng để Công ty có thể thu xếp nguồn tiền hợp lý chi trả, đồng thời Khách hàng sẽ được nhận thêm một khoản lợi nhuận bổ sung theo thỏa thuận của các bên.

2. Chuyển đổi giá trị khoản tiền đầu tư sang thành khoản thanh toán các bất động sản khác đã đủ điều kiện đưa vào kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật và ký kết Hợp đồng mua bán với Chủ đầu tư, tại các Dự án: Sunshine D, Sunshine S, Sunshine S,...

KSF đề nghị Tòa xem xét, tiếp tục tạo điều kiện cho các bên được thương lượng, trao đổi về các phương án giải quyết vụ việc trên tinh thần thiện chí, chia sẻ và hỗ trợ cho K1 có thêm thời gian thu hồi các khoản đầu tư và các nguồn thu khác, để sớm có khả năng thực hiện nghĩa vụ thanh toán đối với ông Tô Hữu Đ.

**** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là S trình bày:***

Qua quá trình rà soát và đối chiếu với các hồ sơ, tài liệu lưu trữ tại Công ty T2 đã phát hành các thư bảo lãnh có thông tin như sau:

- Thư bảo lãnh ngày 02/03/2022, đối với hợp đồng hợp tác kinh doanh số ITLH00044322 ngày 02/03/2022;

- Thư bảo lãnh ngày 02/03/2022, đối với hợp đồng hợp tác kinh doanh số ITLH00044294 ngày 02/03/2022;

- Thư bảo lãnh ngày 02/03/2022, đối với hợp đồng hợp tác kinh doanh số ITLH00044350 ngày 02/03/2022;

- Thư bảo lãnh ngày 30/06/2022, đối với hợp đồng hợp tác kinh doanh số ITLH00122300 ngày 30/06/2022;

- Thư bảo lãnh ngày 30/06/2022, đối với hợp đồng hợp tác kinh doanh số ITLH00122332 ngày 30/06/2022;

- Thư bảo lãnh ngày 25/07/2022, đối với hợp đồng hợp tác kinh doanh số ITLH00142615 ngày 25/07/2022.

(Sau đây gọi chung là “*Các Thư Bảo lãnh*”)

Việc phát hành T1 bảo lãnh sẽ tùy thuộc vào sự thoả thuận giữa Sunshine với KSF tại từng thời điểm. Sunshine không can thiệp, không chịu trách nhiệm đối với các nội dung thoả thuận tại hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa KSF và Nguyên đơn. Việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh được thực hiện và tuân thủ trên cơ sở quy định pháp luật Dân sự và các quy định pháp luật khác có liên quan và theo các điều khoản, nội dung của các Thư bảo lãnh đã được Sunshine phát hành.

- Đối với nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng.

Căn cứ Điều 342 Bộ luật Dân sự quy định về trách nhiệm dân sự của bên bảo lãnh:

“1. Trường hợp bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ đó.

2. Trường hợp bên bảo lãnh không thực hiện đúng nghĩa vụ bảo lãnh thì bên nhận bảo lãnh có quyền yêu cầu bên bảo lãnh thanh toán giá trị nghĩa vụ vi phạm và bồi thường thiệt hại”.

Theo đó, Nguyên đơn có trách nhiệm thực hiện các quyền yêu cầu thanh toán với bên có nghĩa vụ là KSF để đảm bảo trước tiên các quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

- Đối với nghĩa vụ thực hiện bảo lãnh theo Các Thư bảo lãnh.

Căn cứ nội dung Các Thư bảo lãnh đã phát hành, điều kiện để Công ty T2 thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với ông Tô Hữu Đ khi và chỉ khi Nguyên đơn đáp ứng các điều kiện, bao gồm:

- (i) Có thông báo bằng văn bản được ký hợp lệ bởi Bên Nhận bảo lãnh;
- (ii) Cung cấp bản gốc Thư bảo lãnh (bản gốc) và Hợp đồng Hợp tác (bản sao) đã ký;
- (iii) Yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh và hồ sơ được gửi hợp lệ và ký nhận bởi Tập đoàn T2 trước hoặc vào ngày hết hạn Thư bảo lãnh;

Tuy nhiên, theo hồ sơ sao chụp thì trong thời hạn Các Thư bảo lãnh còn hiệu lực, S không nhận được hồ sơ yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh từ phía Nguyên đơn theo quy định tại Các Thư bảo lãnh đã phát hành. Đến nay, Các Thư bảo lãnh đối với các hợp đồng đặt mua bất động sản đã hết hiệu lực công ty không có nghĩa vụ thực hiện bảo lãnh theo hợp đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- *Người đại diện theo uỷ quyền của ông Tô Hữu Đ và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Tô Hữu Đ trình bày quan điểm:* ông Tô Hữu Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, việc KSF không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại các hợp đồng hợp tác kinh doanh và các phụ lục kèm theo đã xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của ông Tô Hữu Đ, đề nghị Tòa án căn cứ quy định tại các Điều 116, 117, 280, 335, 336, 339, 342, 357, 385, 429, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm buộc KSF trả ngay một lần toàn bộ số tiền còn nợ cho ông Đ cụ thể như sau:

(i) Tổng số nợ gốc: 646.000.000 đồng + 500.000.000 đồng + 1.100.000.000 đồng + 1.100.000.000 đồng + 250.000.000 đồng = **3.596.000.000 đồng**;

(ii) Tổng số tiền Lợi ích cố định và các Khoản ưu đãi theo 06 Hợp đồng là: (67.507.001 đồng + 104.500.000 đồng + 52.250.001 đồng + 109.725.000 đồng + 109.725.000 đồng + 24.937.500 đồng) – (34.585.778 đồng + 26.339.726 đồng + 27.198.630 đồng + 13.169.863 đồng + 13.599.315 đồng + 27.656.713 đồng + 27.656.713 đồng + 6.200.000 đồng) + (4.522.000 đồng + 7.000.000 đồng + 3.500.000 đồng + 7.700.000 đồng + 8.800.000 đồng + 7.700.000 đồng + 8.800.000 đồng + 1.500.000 đồng) = (468.644.502 đồng – 176.406.738 đồng) + 49.522.000 đồng = **341.759.764 đồng**;

(iii) Tổng số tiền nợ lãi chậm trả tạm tính đến ngày 28/03/2025 là: 133.978.630 đồng + 158.219.178 đồng + 53.150.685 đồng + 191.972.603 đồng + 191.972.603 đồng + 41.917.808 đồng = **771.211.507 đồng**.

Ông Đ đề nghị Hội đồng xét xử buộc KSF tiếp tục phải trả tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm (quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự) cho ông trên tổng số nợ gốc cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Tổng số tiền (i) + (ii) + (iii): 3.596.000.000 đồng + 341.759.764 đồng + 771.211.507 đồng = **4.708.971.271 đồng**.

Trong trường hợp KSF không trả được các khoản nợ nêu trên cho ông Tô Hữu Đ, đề nghị Tòa án buộc Sunshine phải trả nợ thay cho KSF.

- *Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn KSF trình bày:* Bị đơn đồng ý với khoản tiền nợ gốc là 3.596.000.000 đồng, về số tiền lợi ích cố định, các ưu đãi theo 06 Hợp đồng và tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tạm tính đến ngày 28/03/2025 thì số tiền Nguyên đơn đưa ra không trùng khớp với số tiền theo cách tính toán của Bị đơn. Bị đơn vẫn giữ nguyên đề xuất như trong bản tự khai.

- *Người đại diện theo uỷ quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan S trình bày:*

Qua quá trình rà soát và đối chiếu với các hồ sơ, Sunshine chưa nhận được hồ sơ yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh từ phía Nguyên đơn theo quy định tại các thư bảo lãnh đã phát hành. Đến nay, các thư bảo lãnh đối với các hợp đồng đặt mua bất động sản đã hết hiệu lực Sunshine không có nghĩa vụ thực hiện bảo lãnh theo hợp đồng.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 63/2025/DS-ST ngày 28/3/2025 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 4- Hà Nội), đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Tô Hữu Đ đối với Công ty Cổ phần Đ1:

- Buộc Công ty Cổ phần Đ1 phải thanh toán cho ông Tô Hữu Đ tổng số tiền nợ gốc là 3.596.000.000 đồng;

- Buộc Công ty Cổ phần Đ1 phải thanh toán tổng số tiền lợi ích cố định và các ưu đãi theo 06 Hợp đồng, số tiền là 341.759.764 đồng;

- Buộc Công ty Cổ phần Đ1 phải thanh toán tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán trên dư nợ gốc với mức lãi suất 10%/năm tạm tính đến ngày xét xử (ngày 28/03/2025) là 771.211.507 đồng;

Tổng số tiền Công ty Cổ phần Đ1 phải thanh toán cho ông Tô Hữu Đ tạm tính đến ngày xét xử (ngày 28/03/2025) là 4.708.971.271 đồng (*Bốn tỷ, bảy trăm linh tám triệu, chín trăm bảy mươi một nghìn, hai trăm bảy mươi một đồng*).

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên dư nợ gốc tính từ ngày 29/03/2025 theo mức 10%/năm cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền.

3. Trường hợp Công ty Cổ phần Đ1 không thanh toán được số tiền 4.708.971.271 đồng cho ông Tô Hữu Đ thì Công ty Cổ phần T2 phải thanh toán toàn bộ số tiền 4.708.971.271 đồng cho ông Tô Hữu Đ.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo bản án dân sự số 63/2025/DS-ST ngày 28/3/2025 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, Hà Nội, nay là Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Hà Nội.

- *KSF*: kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm số 63/2025/DS-ST ngày 28/03/2025 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội với lý do Tòa án cấp sơ thẩm đã có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật và thu thập, đánh giá chứng cứ dẫn đến việc đưa ra các nhận định và quyết định chưa chính xác, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm đối với nghĩa vụ phải hoàn trả tiền của KSF cụ thể là khoản đầu tư, phần lợi ích cố định, lãi chậm thanh toán, án phí và cách tuyên lãi thi hành án.

- *Sunshine*: kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm với lý do quá trình giải quyết vụ án và ra quyết định của toà án cấp sơ thẩm không phù hợp với quy định pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm: xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- *Nguyên đơn và người bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn*: giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và quan điểm trình bày tại cấp sơ thẩm, đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm, bác toàn bộ kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;

- *Bị đơn*: giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa về lợi ích cố định, lãi chậm thanh toán, sửa lại số tiền án phí và điều chỉnh cách tuyên về thi hành án. Có bản trình bày quan điểm luận cứ gửi Hội đồng xét xử.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: có Đơn xin vắng mặt đề ngày 17/7/2025 và vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự thỏa thuận được cách tính lãi chậm thanh toán, lợi ích cố định theo các hợp đồng đã ký kết và điều chỉnh về án phí theo bản trình bày của bị đơn đã gửi Hội đồng xét xử.

- *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội*:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ kiện, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 63/2025/DS-ST ngày 28/3/2025 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ kiện, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bị đơn Công ty K2 và Công ty T2 nộp đơn kháng cáo và nộp tạm ứng án phí kháng cáo trong thời hạn quy định của pháp luật nên được chấp nhận về mặt hình thức.

Tại phiên toà: Có mặt nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn; đại diện theo ủy quyền của bị đơn.

Người có quyền và nghĩa vụ có liên quan có Đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo bị đơn Công ty Cổ phần Đ1 và Công ty Cổ phần T2, HĐXX nhận thấy:

[2.1] Về việc thanh toán lợi ích cố định và ưu đãi theo các hợp đồng.

Tại phiên toà nguyên đơn và bị đơn thống nhất, tại Tòa án cấp sơ thẩm các bên chưa đề nghị tính phần thuế thu nhập cá nhân của ông Tô Hữu Đ, nên cùng đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm ghi nhận nội dung này và thống nhất với nhau về việc thanh toán số tiền nợ gốc và thanh toán lợi ích của các Hợp đồng hợp tác kinh doanh, cụ thể như sau:

** Hợp đồng ITLH00044322 ngày 02/03/2022:*

- Lợi ích cố định bằng: $(646,000,000 \text{ đồng} \times 11\% \times 365/365 \text{ ngày}) \times 95\% = 67,507,000 \text{ đồng}$

+ Số tiền đã trả $(17,015,463 \text{ đồng} + 17,570,315 \text{ đồng}) = 34,585,778 \text{ đồng}$

+ Số tiền còn lại: $67,507,000 \text{ đồng} - 34,585,778 \text{ đồng} = 32,921,222 \text{ đồng}$

- Lợi ích tăng thêm bằng: $(646,000,000 \text{ đồng} \times 0,7\% \times 365/365 \text{ ngày}) = 4,522,000 \text{ đồng}$.

- Lãi chậm thanh toán: $(646,000,000 \text{ đ} \times 10\% \times 756/365 \text{ ngày}) = 133,801,644 \text{ đồng}$.

(Tính từ ngày 03/03/2023 đến ngày 28/03/2025 là 756 ngày)

Tổng nghĩa vụ: $646,000,000 \text{ đồng} + 32,921,222 \text{ đồng} + 4,522,000 \text{ đồng} + 133,801,644 \text{ đồng} = \mathbf{817,244,866 \text{ đồng}}$

* *Hợp đồng ITLH00044294 ngày 02/03/2022:*

- Lợi ích cố định bằng: $(1,000,000,000 \text{ đồng} \times 11\% \times 365/365 \text{ ngày}) \times 95\% = 104,500,000 \text{ đồng}$.

+ Số tiền đã trả $(26,339,726 \text{ đồng} + 27,198,630 \text{ đồng}) = 53,538,356 \text{ đồng}$.

+ Số tiền còn lại: $104,500,000 \text{ đồng} - 53,538,356 \text{ đồng} = 50,961,644 \text{ đồng}$

- Lợi ích tăng thêm bằng: $(1,000,000,000 \text{ đồng} \times 0,7\% \times 365/365 \text{ ngày}) = 7,000,000 \text{ đồng}$.

- Lãi chậm thanh toán: $(1,000,000,000 \text{ đồng} \times 10\% \times 399/365 \text{ ngày}) = 109,315,068 \text{ đồng}$ (Tính từ ngày 03/03/2023 đến ngày 05/04/2024 là 399 ngày)

- Lãi chậm thanh toán: $(500,000,000 \text{ đồng} \times 10\% \times 357/365 \text{ ngày}) = 48,904,110 \text{ đồng}$ (Tính từ ngày 05/04/2024 đến ngày 28/03/2025 là 357 ngày)

Tổng nghĩa vụ: $500,000,000 \text{ đồng} + 50,961,644 \text{ đồng} + 7,000,000 \text{ đồng} + 109,315,068 \text{ đồng} + 48,904,110 \text{ đồng} = \mathbf{716,180,822 \text{ đồng}}$

* *Hợp đồng ITLH00044350 ngày 02/03/2022*

- Lợi ích cố định bằng: $(500,000,000 \text{ đồng} \times 11\% \times 365/365 \text{ ngày}) \times 95\% = 52,250,000 \text{ đồng}$

+ Số tiền đã trả $(13,169,863 \text{ đồng} + 13,599,315 \text{ đồng}) = 26,769,178 \text{ đồng}$.

+ Số tiền còn lại: $52,250,000 \text{ đồng} - 26,769,178 \text{ đồng} = 25,480,822 \text{ đồng}$

- Lợi ích tăng thêm bằng: $(25,480,822 \text{ đồng} \times 0,7\% \times 365/365 \text{ ngày}) = 3,500,000 \text{ đồng}$

- Lãi chậm thanh toán: $(500,000,000 \text{ đồng} \times 10\% \times 386/365 \text{ ngày}) = 52,876,712 \text{ đồng}$

(Tính từ ngày 03/03/2023 đến ngày 23/03/2024 là 386 ngày)

Tổng nghĩa vụ: $0 + 25,480,822 \text{ đồng} + 3,500,000 \text{ đồng} + 52,876,712 \text{ đồng} = \mathbf{81,857,534 \text{ đồng}}$

* *Hợp đồng ITLH00122300 ngày 30/06/2022*

- Lợi ích cố định bằng: $(1,100,000,000 \text{ đồng} \times 10.5\% \times 365/365 \text{ ngày}) \times 95\% = 109,725,000 \text{ đồng}$

+ Số tiền đã trả 27,656,713 đồng

+ Số tiền còn lại: $109,725,000 - 27,656,713 = 82,068,287 \text{ đồng}$

- Lợi ích tăng thêm bằng: $(1,100,000,000 \text{ đồng} \times 0,7\% \times 365/365 \text{ ngày}) = 7,700,000 \text{ đồng}$

- Lợi ích thưởng thêm bằng: $(1,100,000,000 \text{ đồng} \times 0,8\% \times 365/365 \text{ ngày}) = 8,800,000 \text{ đồng}$

- Lãi chậm thanh toán: $(1,100,000,000 \text{ đồng} \times 10\% \times 636/365 \text{ ngày}) = 191,671,233 \text{ đồng}$

(Tính từ ngày 01/07/2023 đến ngày 28/03/2025 là 636 ngày)

Tổng nghĩa vụ: $1,100,000,000 \text{ đồng} + 82,068,287 \text{ đồng} + 7,700,000 \text{ đồng} + 8,800,000 \text{ đồng} + 191,671,233 \text{ đồng} = \mathbf{1,390,239,520 \text{ đồng}}$

** Hợp đồng ITLH00122332 ngày 30/06/2022*

- Lợi ích cố định bằng: $(1,100,000,000 \text{ đồng} \times 10.5\% \times 365/365 \text{ ngày}) \times 95\% = 109,725,000 \text{ đồng}$

+ Số tiền đã trả 27,656,713 đồng

+ Số tiền còn lại: $109,725,000 \text{ đồng} - 27,656,713 \text{ đồng} = 82,068,287 \text{ đồng}$

- Lợi ích tăng thêm bằng: $(1,100,000,000 \text{ đồng} \times 0,7\% \times 365/365 \text{ ngày}) = 7,700,000 \text{ đồng}$

- Lợi ích thưởng thêm bằng: $(1,100,000,000 \text{ đồng} \times 0,8\% \times 365/365 \text{ ngày}) = 8,800,000 \text{ đồng}$

- Lãi chậm thanh toán: $(1,100,000,000 \text{ đồng} \times 10\% \times 636/365 \text{ ngày}) = 191,671,233 \text{ đồng}$

(Tính từ ngày 01/07/2023 đến ngày 28/03/2025 là 636 ngày)

Tổng nghĩa vụ: $1,100,000,000 \text{ đồng} + 82,068,287 \text{ đồng} + 7,700,000 \text{ đồng} + 8,800,000 \text{ đồng} + 191,671,233 \text{ đồng} = \mathbf{1,390,239,520 \text{ đồng}}$

** Hợp đồng ITLH00142615 ngày 25/07/2022*

- Lợi ích cố định bằng: $(250,000,000 \text{ đồng} \times 10.5\% \times 365/365 \text{ ngày}) \times 95\% = 24,937,500 \text{ đồng}$

+ Số tiền đã trả 6,285,616 đồng

+ Số tiền còn lại: $24,937,500 \text{ đồng} - 6,285,616 \text{ đồng} = 18,651,884 \text{ đồng}$

- Lợi ích thưởng thêm bằng: $(250,000,000 \text{ đồng} \times 0,6\% \times 365/365 \text{ ngày}) = 1,500,000 \text{ đồng}$

- Lãi chậm thanh toán: $(250,000,000 \text{ đồng} \times 10\% \times 611/365 \text{ ngày}) = 41,849,315 \text{ đồng}$

(Tính từ ngày 26/07/2023 đến ngày 28/03/2025 là 611 ngày)

Tổng nghĩa vụ: $250,000,000 \text{ đồng} + 18,651,884 \text{ đồng} + 1,500,000 \text{ đồng} + 41,849,315 = \mathbf{312,001,199 \text{ đồng}}$

Tổng nghĩa vụ còn lại của KSF ở 6 hợp đồng cụ thể là: $817,244,866 \text{ đồng} + 716,180,822 \text{ đồng} + 81,857,534 \text{ đồng} + 1,390,239,520 \text{ đồng} + 1,390,239,520 \text{ đồng} + 312,001,199 \text{ đồng} = \mathbf{4,707,493,461 \text{ đồng}}$

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận 1 phần kháng cáo của bị đơn là KSF, buộc KSF có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc và thanh toán

lợi ích cho ông Tô Hữu Đ tổng số tiền tạm tính đến thời điểm xét xử (ngày 28/03/2025) của 06 Hợp đồng nêu trên là **4.707.493.461 đồng** (*Bốn tỷ, bảy trăm linh bảy triệu, bốn trăm chín mươi ba nghìn, bốn trăm sáu mươi một đồng*).

[2.2] Xét về cách tuyên thi hành án của Tòa cấp sơ thẩm:

Bị đơn cho rằng bản án dân sự sơ thẩm tuyên chưa đúng với các quy định của luật thi hành án và điểm b, khoản 1, Điều 13 Nghị quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Nhận thấy tại phần quyết định của Bản án dân sự sơ thẩm đã tuyên: *“Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên dư nợ gốc tính từ ngày 29/03/2025 theo mức 10%/năm cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền”* là chưa chính xác cần phải tuyên như sau.

“Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015”.

[2.3] Xét yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần T2 về nghĩa vụ bảo lãnh:

Ông Tô Hữu Đ yêu cầu: trường hợp Công ty Cổ phần Đ1 (KSF) không thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ các khoản tiền 4.708.971.271 đồng thì đề nghị Tòa án buộc Công ty Cổ phần T2 (T2) phải trả nợ thay cho Công ty Cổ phần Đ1.

Căn cứ Thư bảo lãnh ngày 16/12/2022 của Công ty Cổ phần T2 (tên gọi cũ: Công ty Cổ phần T2) với ông Tô Hữu Đ (BL 176). Xét thấy, S đã nhận bảo lãnh cho KSF để đảm bảo không huỷ ngang cho nghĩa vụ của bên được bảo lãnh phát sinh từ 06 Hợp đồng nêu trên. Đến hết thời hạn đầu tư của 06 Hợp đồng KSF không thực hiện được nghĩa vụ theo như thoả thuận trong Hợp đồng đối với ông Đ là phù hợp. Việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của ông Đ là có căn cứ.

Vì vậy, cần buộc S thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh đối với khoản tiền gốc và các khoản tiền khác phát sinh từ 06 Hợp đồng được ký kết giữa ông Tô Hữu Đ và KSF. Trường hợp KSF không trả được các khoản tiền, tiền lãi phát sinh từ 06 Hợp đồng nêu trên cho ông Tô Hữu Đ thì S phải chịu trách nhiệm trả nợ thay cho KSF để trả cho ông Đ.

Từ nhận định trên, HĐXX chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty Cổ phần Đ1 và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần T2, cần sửa bản án dân sự sơ thẩm theo hướng phân tích trên.

[3] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Do việc tính phần lãi chậm thanh toán và các lợi ích theo các Hợp đồng đã ký kết tại cấp sơ thẩm chưa chính xác, kháng cáo của bị đơn về phần án phí sơ thẩm được chấp nhận, nên sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Án phí phúc thẩm: Do sửa bản án nên bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm và được nhận lại tạm ứng án phí kháng cáo đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ : Điều 26; Khoản 1 Điều 38; Điều 147; Điều 148: Khoản 2, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 116, Điều 117, Điều 163, Điều 164 , khoản 1 Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần Đ1.

[2]. Không chấp nhận kháng cáo Công ty Cổ phần T2.

[3]. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 63/2025/DS-ST ngày 28/03/2025 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội (nay là Toà án nhân dân Khu vực 4- Hà Nội), cụ thể như sau:

[3.1]. Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của ông Tô Hữu Đ đối với Công ty Cổ phần Đ1 về tranh chấp của 06 Hợp đồng hợp tác kinh doanh số: ITLH00044322, ITLH00044294, ITLH00044350 ngày 02/3/2022; số ngày 02/3/2022; ITLH00122300; ITLH00122332 ngày 30/06/2022; ITLH00142615 ngày 25/7/2022 và các phụ lục kèm theo các hợp đồng.

Buộc Công ty Cổ phần Đ1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông Tô Hữu Đ số tiền nợ gốc của 06 Hợp đồng hợp tác kinh doanh và lợi ích cố định và ưu đãi theo 06 Hợp đồng đã ký kết với tổng số tiền là **4.707.493.461 đồng** (Bốn tỷ, bảy trăm linh bảy triệu, bốn trăm chín mươi ba nghìn, bốn trăm sáu mươi một đồng) tính đến ngày 28/03/2025.

[3.2]. Trường hợp Công ty Cổ phần Đ1 không thanh toán được số tiền 4.707.493.461 đồng (Bốn tỷ, bảy trăm linh bảy triệu, bốn trăm chín mươi ba nghìn, bốn trăm sáu mươi một đồng) cho ông Tô Hữu Đ thì Công ty Cổ phần T2 phải thanh

toán toàn bộ số tiền 4.707.493.461 đồng (Bốn tỷ, bảy trăm linh bảy triệu, bốn trăm chín mươi ba nghìn, bốn trăm sáu mươi một đồng) cho ông Tô Hữu Đ.

[3.3]. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

[4]. Về án phí:

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty Cổ phần Đ1 phải nộp 112.707.493 đồng (Một trăm mười hai triệu, bảy trăm linh bảy nghìn, bốn trăm chín mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[4.2] Án phí dân sự phúc thẩm:

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần Đ1 số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0028354 ngày 16/4/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4- Hà Nội).

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần T2 số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0028384 ngày 23/4/2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 4 - Hà Nội).

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TP Hà Nội;
- TAND khu vực 4 – HN;
- THADS TP Hà Nội;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tâm

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
PHIÊN TOÀ**

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ

